8. THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ VÀ ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH

8.1. Hóa chất.

1. Bleomycin

Thành phần: Bleomycin Bidiphar (Bleomycin 15U)

Chỉ định:

Ung thư biểu mô tế bào vẩy có ảnh hưởng đến miệng, mũi họng, xoang mũi, hầu, thực quản, bên ngoài bộ phận sinh dục, cổ tử cung hoặc da. Các khối u biệt hóa thường đáp ứng tốt hơn các khối u không biệt hóa.

- Bệnh Hodgkin và u lympho ác tính khác, bao gồm cả u sùi dạng nấm.
- U quái tinh hoàn
- Tràn dịch ác tính các xoang huyết thanh.

Thuốc lựa chọn hàng thứ hai, Bleomycin cho thấy đã có hiệu quả (khi dùng một mình hoặc kết hợp với các thuốc khác) trong điều trị các khối u ác tính di căn, carcinom tuyến giáp, phổi và bàng quang.

Liều dùng, cách dùng:

Cách dùng:

- Bleomycin Bidiphar thường được dùng đường tiêm bắp nhưng có thể dùng để tiêm tĩnh mạch (tiêm bolus hoặc nhỏ giọt), tiêm dưới da, tiêm trong động mạch, trong màng phổi.
- Người bệnh điều trị với bleomycin cần được chụp X-quang hàng tuần.

HƯỚNG DẪN HOÀN NGUYÊN:

Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da: Lọ thuốc được hòa tan trong 1-5ml nước cất pha tiêm hoặc dung dịch natri clorid 0.9%.

Tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm động mạch : Lọ thuốc được hòa tan trong 5-10 ml nước cất pha tiêm hoặc dung dịch natri clorid 0.9% và tiêm trong 10 phút.

Tiêm trong màng phổi : pha 60 đơn vị USP trong 50-100 ml dung dịch tiêm natri clorid 0.9% và đưa thuốc qua một ống mở thông lồng ngực sau khi dẫn lưu dịch trong màng phổi thừa và đảm bảo thuốc được lan rộng khắp. Thời gian lưu ống thông ngực sau làm xơ hóa tùy thuộc vào tình trạng lâm sàng.

Lưu ý: Bleomycin nên được pha chế cẩn thận . Cần cẩn trọng , tránh để bleomycin tiếp xúc với da, màng nhầy hoặc mắt. Trong trường hợp bị dính thuốc thì phần bị ảnh hưởng nên được rửa sạch với nước.

Liều dùng:

- Liều lượng căn cứ vào dung nạp thuốc cho bệnh nhân và tiến triển lâm sàng sao cho đạt được kết quả điều trị tốt nhất và tác dụng phụ ít nhất.
- Các liều dùng khuyến cáo:

+ *Điều trị ung thư biểu mô tế bào vảy:* Dừng đường tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp, tiêm dưới da 1-2 lần/tuần. Liều khuyên dùng ở người lớn là 0,25-0,5 đơn vị USP/ kg (10-20 đơn vị USP/m2)

+ *Điều trị ung thư tinh hoàn:*0,25- 0,5 đơn vị USP/kg (10-20 đơn vị USP/m2) tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm bắp 1 lần /tuần hoặc 2 lần/ tuần. Nếu thuốc có tác dụng thì thường bệnh cải thiện trong vòng 2 tuần.

+ *Điều trị bệnh Hodgkin:* Bleomycin được dùng phối hợp với doxorubicin, vinblatin, và dacarbazin (phác đồ ABVD). Cần dùng liều thăm dò 2 đơn vị USP trong 2 liều đầu. nếu không có phản ứng cấp xảy ra trong vòng 4-6 giờ thì có thể dùng liều theo phác đồ . Người lớn :0,25-0,5 đơn vị USP/kg (10-20 đơn vị USP/m2) tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp, tiêm dưới da, 1 lần hoặc 2 lần / tuần. Khi kích thước khối u giảm 50% có thể dùng liều duy trì 1 đơn vị USP/ngày hoặc 5 đơn vị

USP/tuần tiêm bắp hoặc tĩnh mạch. Nếu thuốc có tác dụng thì thường bệnh có cải thiện trong vòng 2 tuần.

+ *Điều trị tràn dịch màng phổi:* phải tháo dịch màng phổi trước (bằng cách cho tự chảy hoặc hút). Phải cố gắng để đảm bảo phổi được giãn nở hoàn toàn, dịch được hút ra hết và áp suất âm trong khoang phế mạc được tái thành lập. Nếu dùng Bleomycin làm chất gây xơ hóa để ngăn tràn dịch do các khối u di căn ở người lớn: 50-60 đơn vị USP (không quá 1 đơn vị USP/kg hoặc 40 đơn vị USP/m2 ở người già). Thuốc phải được pha loãng với 50-100 ml dung dịch natri clorid 0,9% và bơm vào màng phổi qua ống thông lồng ngực, sau khi đã kẹp ống thông lại thì xoay vòng trong 4 giờ tiếp theo rút hết dịch ra.

+ *Điều trị phối hợp:* Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch:3-4 đơn vị USP/m2 trong thời gian chiếu tia, 5 ngày/tuần.

- Bác sĩ chỉ nên chỉ định điều trị bằng Bleomycin cho bệnh nhi trong những trường hợp ngoại lệ và đặc biệt. Liều dùng nên dựa trên liều của người lớn và liều cho trẻ em được tính theo diwwnj tích da hoặc trọng lượng cơ thể.

- Liều cho người bệnh bị suy thận phải giảm liều như sau:

Độ thanh thải creatinin (ml/phút)	*% so với liều bình thường*
10-50	75
<10	50

Chú ý: khi dùng phối hợp với các thuốc chống ung thư khác, độc tính với phổi có thể xảy ra ngay cả ở liều thấp hơn.

Chống chỉ định:

- Bệnh nhân dị ứng với thuốc.
- Nhiễm khuẩn phổi cấp hoặc chức năng phổi bị suy giảm nặng.
- Người mang thai hoặc đang cho con bú.